

Câu 1. (3,0 điểm)

Trình bày những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ đại. Chọn một thành tựu và nêu ảnh hưởng của nó đối với nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.

Câu 2. (2,5 điểm)

Quan sát các hình ảnh sau:



Hình 1

(Nguồn: Sách bài tập Lịch sử 10-Cánh Diều)



Hình 2

(Nguồn: Sách giáo khoa Lịch sử 10-Kết nối tri thức)

Hình 1 và Hình 2 phản ánh những thành tựu nào? Những thành tựu đó thuộc cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ mấy trong lịch sử nhân loại? Phân tích tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp đó đối với cuộc sống của bản thân em.

Câu 3. (3,0 điểm)

Hãy làm rõ tính đa dạng trong thống nhất về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại. Vì sao Đông Nam Á là nơi tiếp nhận các tôn giáo lớn trên thế giới?

Câu 4. (3,0 điểm)

- Trình bày cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.
- Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII, kinh tế thương nghiệp của Đại Việt chuyển biến như thế nào? Vì sao có những chuyển biến đó?

Câu 5. (3,0 điểm)

“Đại đoàn kết dân tộc là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

- Bằng kiến thức đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
- Vì sao ngày 18 tháng 11 hàng năm được chọn là Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc?

Câu 6. (3,0 điểm)

a. Lập bảng thống kê các di sản văn hoá vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hoá Thế giới theo mẫu sau:

TT	Tên di sản	Địa bàn	Năm ghi danh
.....			

b. Nêu trách nhiệm của các bên liên quan đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của những di sản văn hoá đó. Liên hệ trách nhiệm của bản thân.

Câu 7. (2,5 điểm)

a. Khái quát các bộ luật ở Việt Nam trong thời kì quân chủ độc lập theo gợi ý sau: tên bộ luật, thời gian ban hành và vị vua ban hành.

b. Nêu tính tiến bộ và tính nhân văn của các bộ luật được ban hành ở nước ta từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.

----- HẾT -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NAM**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THPT
NĂM HỌC 2023 – 2024 ĐỢT 2**

HDC CHÍNH THỨC

**HƯỚNG DẪN CHẤM
MÔN: LỊCH SỬ 10 (CHUYÊN)**

(Bản hướng dẫn này gồm 06 trang)

*** Lưu ý:** Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Trình bày những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp - La Mã thời cổ đại. Chọn một thành tựu và nêu ảnh hưởng của nó đối với nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.	3.0
	* Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp và La Mã thời cổ đại.	2,0
	- <i>Về chữ viết:</i> cư dân Hy Lạp sáng tạo ra hệ chữ viết La-tinh và cư dân La Mã đã kế thừa, phát triển thành chữ La-tinh. Chữ viết Hy Lạp – La Mã ngắn gọn, linh hoạt; Phát minh hệ thống chữ số La Mã.	0,25
	- <i>Về văn học:</i> văn học Hy Lạp phong phú, nhiều thể loại (sử thi, kịch, thần thoại...), nổi bật là sử thi I-li-at và Ô-đi-xê, kịch Ô-đíp làm vua của Xô-phốc-lơ...	0,25
	- <i>Về tư tưởng:</i> triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại chia làm hai trường phái chính: triết học duy vật và triết học duy tâm.	0,25
	- <i>Về tín ngưỡng, tôn giáo:</i> Người Hy Lạp – La Mã cổ đại thờ đa thần; Thiên Chúa giáo ra đời vào thế kỉ I. Từ thế kỉ IV, Thiên Chúa giáo lan toả mạnh mẽ và trở thành	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	một trong những tôn giáo lớn trên thế giới.	
	- <i>Về lịch pháp và thiên văn học</i> : cư dân Hy Lạp, La Mã cổ đại biết làm ra lịch, tính một năm có 365 ngày 6 giờ, chia thành 12 tháng. Họ cũng quan sát được sự chuyển động của các thiên thể, nhận ra Trái Đất hình cầu.	0,25
	- <i>Về khoa học, kỹ thuật</i> : có nhiều thành tựu về khoa học trên các lĩnh vực khác nhau, gắn với tên tuổi của các nhà khoa học nổi tiếng: Toán học có Pi-ta-go, Ta-lét; Vật lý học có Ác-si-mét, Y học có Hi-pô-crát, Sử học có Hê-rô-đốt, Tuy-xi-đít... Nhiều nhà khoa học đã tìm ra được những định lý, định đề, tiên đề khoa học.	0,25
	- <i>Về kiến trúc, điêu khắc</i> : sáng tạo nên nhiều công trình và tác phẩm đặc sắc như đền Pác-tê-nông, đấu trường Cô-li-dê, tượng lực sĩ ném đĩa...	0,25
	- <i>Về thể thao</i> : Ô-lim-píc là đại hội thể thao nổi tiếng ở Hy Lạp cổ đại. Đại hội tổ chức bốn năm một lần với nhiều môn thi đấu.	0,25
	* Chọn một thành tựu và nêu ảnh hưởng của nó đối với nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.	1,0
	- <i>Thí sinh chọn đúng một thành tựu và nêu ảnh hưởng đến thế giới và Việt Nam.</i>	
	- Nêu được ảnh hưởng đối với thế giới.	0,5
	- Nêu được ảnh hưởng đối với Việt Nam.	0,5
	<i>Dưới đây là một gợi ý: Nêu ảnh hưởng chữ viết.</i>	
	- <i>Đối với thế giới</i> : Trên cơ sở chữ La-tinh, cư dân nhiều nước đã tiếp thu, sáng tạo ra chữ viết riêng của mình (như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Việt, ...) và trở thành ngôn ngữ giao tiếp phổ biến hiện nay.	
	- <i>Đối với Việt Nam</i> : Việt Nam đã tiếp thu hệ chữ cái La-tinh, trên cơ sở đó tạo ra chữ Quốc ngữ.	
	<i>Lưu ý: Học sinh nêu được đầy đủ ý tiếp thu và cải biến thành tựu đó thì cho điểm tối đa. Nếu học sinh chọn đúng thành tựu nhưng không nêu được ảnh hưởng thì cho 0,25</i>	
Câu 2	Hình 1 và Hình 2 phản ánh những thành tựu nào? Những thành tựu đó thuộc cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ mấy trong lịch sử nhân loại? Phân tích tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp đó đối với cuộc sống bản thân em.	2,5
	- Hình ảnh phản ánh thành tựu :	
	Hình 1: Trí tuệ nhân tạo.	0,25
	Hình 2: Internet kết nối vạn vật.	0,25
	- Những thành tựu đó thuộc cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0).	0,25
	- Phân tích tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp đó đến cuộc sống bản thân em	1.75
	- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có nhiều tác động đến cuộc sống của bản thân em, có cả mặt tích cực và tiêu cực.	0,25
	- Tích cực :	
	+ Tìm kiếm, truy cập, xử lý thông tin rất nhanh chóng, tiện lợi. Có thể trao đổi thông tin, giao tiếp mọi lúc mọi nơi.	0,25
	+ Tiếp xúc, giao lưu văn hóa với các quốc gia khác diễn ra dễ dàng và thuận tiện. Đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao...	0,25
	+ Có thể làm nhiều công việc bằng hình thức từ xa, giúp tiết kiệm thời gian.	0,25
	- Tiêu cực :	
	+ Nguy cơ bị đánh cắp thông tin cá nhân; dễ trở thành nạn nhân của các hoạt động	0,25

Câu	Nội dung	Điểm
	lừa đảo hoặc bạo lực mạng; xuất hiện tình trạng văn hoá lai căng.	
	+ Giảm sự tương tác trực tiếp với mọi người; dễ bị lệ thuộc vào các thiết bị thông minh, hệ thống mạng internet.	0,25
	- Mỗi chúng ta cần có những biện pháp để phát huy yếu tố tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực để đem lại hiệu quả cao trong cuộc sống.	0,25
Câu 3	Hãy làm rõ tính đa dạng trong thống nhất về tín ngưỡng và tôn giáo của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại. Vì sao Đông Nam Á là nơi tiếp nhận các tôn giáo lớn trên thế giới?	3,0
	* Tính đa dạng trong thống nhất về tín ngưỡng, tôn giáo của văn minh Đông Nam Á	2,0
	- Văn minh Đông Nam Á hình thành trên cơ sở văn minh nông nghiệp trồng lúa nước, trong điều kiện địa lí tự nhiên tương đồng; đều tiếp nhận ảnh hưởng của văn minh bên ngoài, tiếp thu các tôn giáo lớn trên thế giới nên có nhiều điểm tương đồng về tín ngưỡng, tôn giáo.	0,25
	- Tuy nhiên mỗi nước Đông Nam Á đều có nền văn hóa bản địa với bản sắc độc đáo riêng biệt, tạo nên tính đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo.	0,25
	- Cư dân Đông Nam Á đều có chung nhiều tín ngưỡng bản địa như thờ cúng tổ tiên, thờ thần tự nhiên, thờ động vật... nhưng cách thức thực hành tín ngưỡng khác nhau.	0,25
	- Cư dân Đông Nam Á chủ yếu tiếp thu Phật giáo và Hin-đu giáo từ Ấn Độ thông qua con đường thương mại và truyền giáo từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên. Phật giáo trở thành quốc giáo của Thái Lan, Lào. Vương quốc Chăm pa, Phù Nam tiếp thu Hin-đu giáo. Riêng người Việt chủ yếu tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo và các tôn giáo từ Trung Hoa và Ấn Độ.	0,5
	- Hồi giáo được truyền bá tới Đông Nam Á vào khoảng thế kỉ XIII qua hoạt động thương mại của các thương nhân Ấn Độ, trở thành quốc giáo của Malaixia, Indônêxia.	0,25
	- Thiên Chúa giáo được truyền bá vào Đông Nam Á từ đầu thế kỉ XVI và được nhiều nước tiếp thu.	0,25
	- Dẫn chứng cụ thể làm sáng tỏ tính đa dạng trong thực hành tín ngưỡng tôn giáo giữa các nước Đông Nam Á. (Ví dụ: cùng theo đạo Phật nhưng Phật giáo ở mỗi nước có sự khác nhau...)	0,25
	* Đông Nam Á là nơi tiếp nhận các tôn giáo lớn trên thế giới, vì:	1,0
	- Vị trí địa lí: phần lớn các quốc gia Đông Nam Á đều tiếp giáp biển, nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn, tạo điều kiện cho việc giao lưu, tiếp xúc văn hóa với bên ngoài...	0.25
	- Trước khi diễn ra quá trình giao lưu, tiếp xúc với các nền văn hóa bên ngoài, Đông Nam Á chưa tồn tại và phát triển tôn giáo dân tộc nên dễ dàng đón nhận tôn giáo mới.	0.25
	- Các tôn giáo có hệ thống giáo lí, giới luật, kinh thánh, đề cao tính hướng thiện và những giá trị đạo đức, phù hợp với văn hóa tinh thần của cư dân Đông Nam Á nên được đón nhận.	0.25
	- Hoạt động truyền giáo tích cực của các thương nhân, giáo sĩ, các tín đồ ở Đông Nam Á.	0.25
Câu 4	a. Trình bày cơ sở hình thành văn minh Đại Việt. b. Từ thế kỉ XVI – XVIII, kinh tế thương nghiệp của Đại Việt chuyển biến như thế nào? Vì sao có những chuyển biến đó?	3.0
	a. Cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.	1.0
	- Kế thừa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc	

Câu	Nội dung	Điểm
	Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ nền văn minh Văn Lang- Âu Lạc được bảo tồn qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc. Những di sản và truyền thống của văn minh Văn Lang - Âu Lạc tiếp tục được phục hưng, phát triển trong thời kì độc lập, tự chủ.	0,25
	- Dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt Trải qua các triều đại Ngô, Đinh – Tiền Lê, Lý, Trần, Lê sơ nền độc lập, tự chủ của quốc gia tiếp tục được củng cố vững chắc, là điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển nền văn minh Đại Việt.	0,5
	- Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh bên ngoài Trong quá trình hình thành và phát triển, người Việt đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn minh từ bên ngoài, đặc biệt là văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Độ, văn minh phương Tây góp phần làm phong phú nền văn minh Đại Việt.	0,25
	b. Những chuyển biến kinh tế Đại Việt trong lĩnh vực thương nghiệp.	1,5
	* Nội thương: - Hoạt động trao đổi buôn bán phát triển mạnh ở miền xuôi, chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên khắp nơi. Nhiều nơi trong nước đã xuất hiện một số làng buôn và trung tâm buôn bán lớn của vùng.	0,25
	- Buôn bán lớn (buôn chuyến, buôn thuyền) xuất hiện. Buôn bán giữa miền xuôi và miền ngược cũng tăng lên.	0,25
	* Ngoại thương: - Thuyền buôn các nước kể cả châu Âu đến nước ta ngày càng nhiều. Bên cạnh thương nhân Trung Hoa, Nhật Bản, Xiêm, còn xuất hiện nhiều thương nhân của các nước Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp...	0,25
	- Thương nhân nhiều nước như Trung Hoa, Nhật Bản, Hà Lan, Anh, Pháp đã xin lập phố xá, cửa hàng để buôn bán lâu dài.	0,25
	- Việc giao thương với nước ngoài góp phần thúc đẩy sự hưng thịnh của các đô thị và cảng thị. Thăng Long - Kẻ Chợ trở thành đô thị lớn của cả nước. Nhiều đô thị mới xuất hiện như: Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Huế) trở thành những nơi buôn bán sầm uất.	0,25
	- Thế kỉ XVIII, hoạt động ngoại thương suy yếu dần.	0,25
	* Vì sao chuyển biến	0,5
	- Chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh- Nguyễn.	0,25
	- Nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển, sản xuất ra nhiều sản phẩm có chất lượng, phong phú, dồi dào.	
	- Vị trí địa lí của nước ta thuận lợi thu hút được thương nhân các nước.	0,25
	- Cuộc phát kiến địa lý tạo ra sự giao lưu Đông – Tây và chính sách ngoại thương cởi mở của các nước trên thế giới.	
Câu 5	“Đại đoàn kết dân tộc là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”	
	a. Bằng kiến thức đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	3,0
	b. Vì sao ngày 18 tháng 11 hàng năm được chọn là Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc?	
	a. Bằng kiến thức đã học làm sáng tỏ nhận định trên.	2,0
	- Đại đoàn kết dân tộc có vai trò rất quan trọng, là nhân tố quyết định đến mọi thắng lợi trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	0,25
	- Trong thời kì dựng nước, khối đại đoàn kết có vai trò trong công tác trị thủy, phát triển kinh tế, hình thành nên nhà nước đầu tiên là Văn Lang – Âu Lạc.	0,25

Câu	Nội dung	Điểm																								
	- Trong thời kì Bắc thuộc, đại đoàn kết là yếu tố giúp Việt Nam chống đồng hoá.	0,25																								
	- Trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ và giành lại độc lập dân tộc, khối đại đoàn kết tạo nên sức mạnh quyết định mọi thắng lợi.	0,25																								
	- Dẫn chứng về vai trò của đại đoàn kết dân tộc đối với thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa thời quân chủ, thành công của Cách mạng tháng Tám (1945), thắng lợi của kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mĩ (1954-1975)...	0,25																								
	- Trong thời đại ngày nay: + Đại đoàn kết dân tộc là động lực và nguồn lực to lớn, quyết định thành công của công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước. Đại đoàn kết dân tộc có vai trò to lớn, là cơ sở để huy động sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, giữ gìn ổn định xã hội.	0,25																								
	+ Đại đoàn kết dân tộc là yếu tố khẳng định vị thế, giúp đất nước vượt qua những thách thức của thời đại mới như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, dịch bệnh...	0,25																								
	+ Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đại đoàn kết dân tộc là yếu tố không thể tách rời với việc khẳng định chủ quyền, biên giới, biển đảo của Việt Nam.	0,25																								
	b. Ngày 18 tháng 11 được chọn là Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, vì:	1,0																								
	- Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập (1930), khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố, mở rộng thông qua các hình thức mặt trận phù hợp với từng thời kì cách mạng. Hình thức mặt trận đầu tiên được thành lập ngày 18/11/1930 với tên gọi Hội phản đế Đồng minh Đông Dương, nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	0,25																								
	- Đảng luôn xác định công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong mọi thời kì cách mạng. Từ năm 1986, Đảng quyết định lấy ngày 18/11 hàng năm là ngày kỉ niệm thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, cũng là ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc.	0,25																								
	- Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tổ chức tại các khu dân cư nhằm tôn vinh các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó tình làng, nghĩa xóm trong toàn thể nhân dân.	0,5																								
Câu 6	a. Lập bảng thống kê các di sản văn hoá vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hoá Thế giới, theo mẫu sau: <table><tr><th>TT</th><th>Tên di sản</th><th>Địa bàn</th><th>Năm ghi danh</th></tr><tr><td>.....</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> b. Nêu trách nhiệm của các bên liên quan đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của những di sản đó. Liên hệ trách nhiệm bản thân.	TT	Tên di sản	Địa bàn	Năm ghi danh									3.0												
TT	Tên di sản	Địa bàn	Năm ghi danh																							
.....																										
	a. Lập bảng <table><tr><th>STT</th><th>Tên di sản</th><th>Địa bàn</th><th>Năm ghi danh</th></tr><tr><td>1</td><td>Quần thể di tích cổ đô Huế</td><td>Thừa Thiên Huế</td><td>1993</td></tr><tr><td>2</td><td>Đô thị cổ Hội An</td><td>Quảng Nam</td><td>1999</td></tr><tr><td>3</td><td>Thánh địa Mỹ Sơn</td><td>Quảng Nam</td><td>1999</td></tr><tr><td>4</td><td>Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long</td><td>Hà Nội</td><td>2010</td></tr><tr><td>5</td><td>Thành nhà Hồ</td><td>Thanh Hoá</td><td>2011</td></tr></table>	STT	Tên di sản	Địa bàn	Năm ghi danh	1	Quần thể di tích cổ đô Huế	Thừa Thiên Huế	1993	2	Đô thị cổ Hội An	Quảng Nam	1999	3	Thánh địa Mỹ Sơn	Quảng Nam	1999	4	Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long	Hà Nội	2010	5	Thành nhà Hồ	Thanh Hoá	2011	1,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
STT	Tên di sản	Địa bàn	Năm ghi danh																							
1	Quần thể di tích cổ đô Huế	Thừa Thiên Huế	1993																							
2	Đô thị cổ Hội An	Quảng Nam	1999																							
3	Thánh địa Mỹ Sơn	Quảng Nam	1999																							
4	Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long	Hà Nội	2010																							
5	Thành nhà Hồ	Thanh Hoá	2011																							
	b. Trách nhiệm của các bên liên quan.	1,25																								

Câu	Nội dung	Điểm
	- <i>Nhà nước</i> : Ban hành các văn bản pháp quy về bảo tồn di sản văn hoá; tổ chức, quản lý di sản văn hoá.	0,25
	- <i>Tổ chức xã hội</i> : Thực hiện quản lý di sản theo phân cấp; huy động các nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.	0,25
	- <i>Cộng đồng</i> : Trực tiếp tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; khai thác, sử dụng di sản văn hoá một cách hợp lý, bền vững.	0,25
	- <i>Nhà trường</i> : Giáo dục và nâng cao nhận thức của học sinh về giá trị di sản; phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hoá thông qua hoạt động giáo dục.	0,25
	- <i>Công dân</i> : Chấp hành luật pháp, chính sách, quy định về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ và vận động người khác cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.	0,25
	* Liên hệ bản thân	0,5
	<i>GV chấm linh hoạt. Thí sinh nêu được bản thân có thái độ, hành vi đúng (ít nhất 4 hành vi đúng) thì cho điểm tối đa nhưng không quá 0,5đ.</i> Gợi ý: - <i>Chấp hành chính sách, pháp luật, quy định của nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Giới thiệu, quảng bá về những giá trị của di sản đến mọi người và bạn bè quốc tế. 0,25đ</i> - <i>Trực tiếp tham gia và tích cực vận động người khác cùng tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản... 0,25đ</i>	
Câu 7	a. Khái quát các bộ luật ở Việt Nam trong thời kì quân chủ độc lập theo gợi ý sau: tên bộ luật, thời gian ban hành và vị vua ban hành. b. Nêu tính tiến bộ và tính nhân văn của các bộ luật được ban hành ở nước ta từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX.	2,5
	a. Khái quát các bộ luật ở Việt Nam trong thời kì quân chủ độc lập theo gợi ý sau: tên bộ luật, thời gian ban hành và vị vua ban hành.	1,0
	Năm 1402, vua Lý Thái Tông ban hành bộ luật Hình thư.	0,25
	Năm 1230, vua Trần Thái Tông cho soạn bộ Hình luật.	0,25
	Năm 1483, vua Lê Thánh Tông ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức).	0,25
	Năm 1815, vua Gia Long ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long).	0,25
	b. Nêu tính tiến bộ và tính nhân văn...	1,5
	- Có quy định nhằm hạn chế và xử phạt những hành vi tham nhũng của quan lại.	0,25
	- Có quy định nhằm bảo vệ một số quyền lợi chính đáng của người dân.	0,25
	- Có quy định đề cao tính dân tộc và chủ quyền quốc gia.	0,25
	- Có những quy định tôn trọng phong tục và văn hoá của các dân tộc trên đất nước.	0,25
	- Chú ý đến quyền lợi và thân phận của người phụ nữ, người già, trẻ em.	0,25
	- Có những quy định đề cao và bảo vệ các giá trị đạo đức tốt đẹp của con người.	0,25

.....Hết.....

- *Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

- *Họ và tên thí sinh:.....; Số báo danh.....*